

MỐI LIÊN QUAN GIỮA KIẾN THỨC VỀ BÚT TIÊM INSULIN VỚI CÁC RỐI LOẠN TÂM THẦN CỦA NGƯỜI BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TÍP 2

Trần Trịnh Quốc Việt¹, Lê Châu²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Người bệnh đái tháo đường típ 2 có chỉ định phải tiêm insulin hằng ngày sẽ làm cho người bệnh dễ mắc các rối loạn tâm thần phổ biến nhất là rối loạn cảm xúc như căng thẳng, lo âu và trầm cảm. Kiến thức về bút tiêm insulin có tác động đến các căng thẳng, lo âu, trầm cảm của người bệnh đái tháo đường típ 2. Do đó, chúng tôi tiến hành đề tài "Mối liên quan giữa kiến thức về bút tiêm insulin với các rối loạn tâm thần của người bệnh đái tháo đường típ 2". **Mục tiêu:** Khảo sát các mối liên quan giữa kiến thức về bút tiêm insulin với mức độ căng thẳng, lo âu, trầm cảm của người bệnh đái tháo đường típ 2. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả có phân tích trên 133 người bệnh đến khám ngoại trú tại phòng khám nội tiết Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh từ 04/2022 đến 09/2022. Công cụ nghiên cứu là thang đo DASS -21. Thống kê phân tích bằng phép kiểm chi bình phương χ^2 , kiểm định chính xác Fisher, hồi quy logistic. **Kết quả:** Tỷ lệ người bệnh có kiến thức đúng về bút tiêm insulin là 60,15 %, chưa có kiến thức là 39,85%. Tỷ lệ căng thẳng, lo âu và trầm cảm của người bệnh theo thang đo DASS-21 lần lượt là 6,77%, 37,59%, 10,52%. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức bút tiêm insulin với căng thẳng, người bệnh không có kiến thức thì căng thẳng hơn người bệnh có kiến thức đúng, với $p = 0,001$. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức bút tiêm insulin với lo âu, người bệnh không có kiến thức thì lo âu hơn người bệnh có kiến thức đúng, với $p = 0,001$. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức bút tiêm insulin với trầm cảm, người bệnh không có kiến thức thì trầm cảm hơn người bệnh có kiến thức đúng, với $p < 0,0001$. **Kết luận:** Người bệnh có kiến thức đúng về bút tiêm insulin chiếm khoảng 60,15%, tỷ lệ người bệnh bị căng thẳng, lo âu và trầm cảm của người bệnh theo thang đo DASS-21 lần lượt là 6,77%, 37,59%, 10,52%. Có mối liên quan về kiến thức bút tiêm insulin với các rối loạn tâm thần ở người bệnh đái tháo đường típ 2

Từ khóa: Kiến thức bút tiêm insulin, căng thẳng, lo âu, trầm cảm, đái tháo đường típ 2.

SUMMARY

RELATIONSHIP BETWEEN KNOWLEDGE ABOUT INSULIN PEN AND PSYCHIATRIC DISORDERS OF TYPE 2 DIABETES

¹Đại học Y Dược TP.HCM

²Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM

Chịu trách nhiệm chính: Trần Trịnh Quốc Việt

Email: ttquocviet@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 2.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 22.2.2023

Ngày duyệt bài: 6.3.2023

Background: People with type 2 diabetes who require daily insulin injections will be more susceptible to the most common mental disorders, including emotional disturbances such as stress, anxiety and depression. Knowledge of insulin pens has an impact on stress, anxiety and depression of patients with type 2 diabetes. Therefore, we conducted the topic "Relation between knowledge of insulin pens and mental disorders in patients with type 2 diabetes".

Objective: Investigation of the relationship between knowledge about insulin pens and levels of stress, anxiety and depression of patients with type 2 diabetes. **Subjects and methods research:** Cross-sectional descriptive analysis on 133 patients who visited the outpatient clinic at the Ho Chi Minh City University of Medicine and Pharmacy Hospital from April 2022 to September 2022. The research tool is the DASS -21 scale. Statistical analysis by chi-square test χ^2 , Fisher's exact test, logistic regression. **Results:** The percentage of patients with correct knowledge about insulin injectors is 60.15%, and no knowledge is 39.85%. The rates of stress, anxiety and depression of patients according to the DASS-21 scale were 6.77%, 37.59%, and 10.52%, respectively. There is a statistically significant difference between insulin pen knowledge and stress, patients with no knowledge are more stressed than patients with correct knowledge, with $p = 0.001$. There is a statistically significant difference between insulin pen knowledge and anxiety, patients with no knowledge are more anxious than patients with correct knowledge, with $p = 0.001$. There is a statistically significant difference between insulin pen knowledge and depression, patients with no knowledge are more depressed than patients with correct knowledge, with $p < 0.0001$. **Conclusion:** Patients with correct knowledge about insulin pens accounted for about 60.15%, the proportion of patients suffering from stress, anxiety and depression according to the DASS-21 scale was 6.77%, 37.59%, 10.52%. There is a relationship between insulin pen knowledge and psychiatric disorders in patients with type 2 diabetes

Keywords: Knowledge of insulin pen, stress, anxiety, depression, type 2 diabetes

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đái tháo đường là rối loạn chuyển hoá glucid mạn tính. Việc tăng glucose trong thời gian dài gây nên những rối loạn chuyển hóa carbohydrate, protide, lipide, gây tổn thương ở nhiều cơ quan khác nhau, đặc biệt ở tim và mạch máu, thận, mắt, thần kinh [1]. Tùy theo giai đoạn và tiến triển của bệnh mà người bệnh sẽ được chỉ định dùng thuốc qua đường uống kiểm soát đường huyết hoặc tiêm insulin. Tuy nhiên khi người bệnh đái tháo đường có chỉ định

phải tiêm insulin hằng ngày sẽ làm cho người bệnh dễ mắc các rối loạn tâm thần phổ biến nhất là rối loạn cảm xúc như căng thẳng, lo âu và trầm cảm. Trên thực tế, những người bệnh mắc bệnh đái tháo đường sẽ tăng nguy cơ mắc cả các rối loạn tâm thần và ngược lại. Đặc biệt các rối loạn tâm thần này ở người bệnh đái tháo đường sẽ tăng nguy cơ tử vong lên gấp 2 lần [5]. Người bệnh đái tháo đường típ 2 có chỉ định phải tiêm insulin hằng ngày sẽ làm cho người bệnh dễ mắc các rối loạn tâm thần phổ biến nhất là rối loạn cảm xúc như căng thẳng, lo âu và trầm cảm. Với những hậu quả nghiêm trọng mà căng thẳng, lo âu, trầm cảm gây ra ở người bệnh đái tháo đường có tiêm thuốc insulin, việc phát hiện và điều trị sớm các rối loạn này có ý nghĩa quan trọng trong cải thiện triệu chứng, ngăn ngừa phát sinh và làm nặng thêm các biến chứng khác từ đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh đái tháo đường. Kiến thức về bút tiêm insulin có tác động đến các căng thẳng, lo âu, trầm cảm của người bệnh đái tháo đường típ 2. Do đó, chúng tôi tiến hành đề tài "Mối liên quan giữa kiến thức về bút tiêm insulin với các rối loạn tâm thần của người bệnh đái tháo đường típ 2"

Mục tiêu nghiên cứu: *Khảo sát các mối liên quan giữa kiến thức về bút tiêm insulin với mức độ căng thẳng, lo âu, trầm cảm của người bệnh đái tháo đường típ 2.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Người bệnh được chẩn đoán xác định đái tháo đường típ 2 và đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn vào và điều trị ngoại trú tại Khoa Nội tiết, Bệnh viện Đại học Y dược TP.HCM cơ sở 1 trong khoảng thời gian tháng 4 năm 2022 đến tháng 9 năm 2022

Phương pháp nghiên cứu:

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích.

Cỡ mẫu: Sử dụng công thức ước lượng cỡ mẫu dựa vào một tỷ lệ

$$n = \frac{Z^2 \cdot p \cdot (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó α : xác suất sai lầm loại 1, chọn $\alpha = 0,05$ thì $Z_{1-\alpha/2} = Z_{0.975}$: trị số từ phân phối chuẩn = 1,96; d: sai số cho phép (độ chính xác mong muốn của ước lượng) = 0,05; p: 0,445 [1]. Tính ra n = 95

Công cụ nghiên cứu:

Bộ câu hỏi khảo sát gồm 3 phần

- Phần A: Bộ câu hỏi gồm 21 câu hỏi về thông tin nền.

- Phần B: Bộ câu hỏi tự soạn về kiến thức bút tiêm insulin với Cronbach's alpha là 0,68 gồm 7 câu, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, được xem là có kiến thức khi trả lời đúng $\geq 60\%$.

- Phần C: Bộ câu hỏi đánh giá tình trạng căng thẳng, lo âu theo thang đánh giá Lo âu - Trầm cảm - Căng thẳng (DASS21) gồm 21 câu hỏi.

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu:

Phân tích số liệu bằng phần mềm Stata 12.0. Thống kê mô tả tần số phần trăm với biến định tính, trung bình, độ lệch chuẩn với biến định lượng, phân tích mối tương quan bằng phép kiểm chi bình phương χ^2 , phép kiểm chính xác Fisher, hồi quy logistic.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Đặc tính mẫu	Tần số	Tỉ lệ (%)
Giới tính: Nữ	76	57,14
Nam	57	42,86
Độ tuổi: 18-29	5	3,76
30-49	13	9,77
50-65	115	86,47
Thường trú: Nông thôn	76	57,14
Thành thị	57	42,86
Tôn giáo: Không	109	81,95
Có	24	18,05
Trình độ học vấn		
Không biết chữ	3	2,26
Tiểu học	38	28,57
Trung học cơ sở	35	26,32
Trung học phổ thông	47	35,34
Trung cấp, CĐ, ĐH	10	7,52
Nghề nghiệp		
CBVC	3	2,26
NVVP	2	1,5
Công nhân	3	2,26
Lao động tự do	44	33,08
Nội trợ	50	37,59
Nghĩ hưu	31	23,31
Kinh tế gia đình		
Khá giả	39	29,32
Trung bình	93	69,92
Dưới trung bình	1	0,75

Nhận xét: Nữ chiếm tỉ lệ cao hơn nam 57,14% so với 42,86%. Độ tuổi tham gia nghiên cứu trung bình là 57,09 tuổi, thấp nhất là 22 và cao nhất là 65 tuổi, nhóm tuổi từ 50 – 65 tuổi chiếm nhiều nhất với 86,47%. Phần lớn nơi cư trú là nông thôn và không có tôn giáo chiếm đa số.

3.2. Kiến thức bút tiêm insulin, rối loạn tâm thần người bệnh đái tháo đường típ 2

Bảng 2. Kiến thức bút tiêm insulin, rối loạn tâm thần

Đặc tính mẫu	Tần số (n=133)	Tỉ lệ (%)
Kiến thức bút tiêm		
Không	53	39,85
Có	80	60,15
Căng thẳng: Không	124	93,23
Có	9	6,77
Lo âu: Không	83	62,41
Có	50	37,59
Trầm cảm: Không	119	89,48
Có	14	10,52

Nhận xét: Người bệnh có kiến thức đúng về bút tiêm insulin với 60,15 %, người bệnh bị rối loạn căng thẳng là 6,77%, tỷ lệ người bệnh bị rối loạn lo âu là 37,59%, người bệnh bị rối loạn trầm cảm là 10,52%

3.3. Môi liên quan giữa kiến thức bút tiêm insulin với đặc điểm chung của người bệnh

Bảng 3. Môi liên quan giữa kiến thức bút tiêm insulin với đặc điểm chung của người bệnh

Đặc điểm	Kiến thức bút tiêm insulin		p
	Không đúng (%)	Đúng (%)	
Giới tính			
Nữ	33 (62,26)	43 (53,75)	0,331
Nam	20 (37,74)	37 (46,25)	
Độ tuổi người bệnh			
18 – 29	0 (0)	5 (6,25)	0,215*
30 – 49	5 (9,43)	8 (10,0)	
50 – 65	48 (90,57)	67 (83,75)	
Thường trú			
Nông thôn	32 (60,38)	44 (55,0)	0,540
Thành thị	21 (39,62)	36 (45,0)	
Tôn giáo			
Không	3 (5,66)	2 (2,5)	0,387*
Có	50 (94,34)	78 (97,5)	
Trình độ học vấn			
Không biết chữ	0 (0)	3 (3,75)	0,276*
Tiểu học	15 (28,3)	23 (28,75)	
Trung học cơ sở	18 (33,96)	17 (21,25)	
Trung học phổ thông	18 (33,96)	29 (36,25)	
Trung cấp, cao đẳng, ĐH	2 (3,77)	8 (10,0)	
Nghề nghiệp			
Cán bộ viên chức	1 (1,89)	2 (2,5)	< 0,641*
Nhân viên văn phòng	2 (3,77)	0 (0,0)	
Công nhân	1 (1,89)	2 (2,5)	
Lao động tự do	16 (30,19)	28 (35,0)	
Nội trợ	19 (35,85)	31 (38,75)	

Nghỉ hưu	14 (26,42)	17 (21,25)	
Kinh tế gia đình			
Khá giả	10 (18,87)	29 (36,25)	0,032*
Trung bình	42 (79,25)	51 (63,75)	
Dưới trung bình	1 (1,89)	0 (00)	

(*) Phép kiểm chính xác Fisher

Nhận xét: Tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kiến thức bút tiêm insulin với kinh tế gia đình, với $p < 0,05$. Không có sự khác biệt giữa kiến thức về bút tiêm insulin với giới tính, nhóm tuổi, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, kinh tế gia đình

3.4. Môi liên quan giữa kiến thức bút tiêm insulin với căng thẳng, lo âu, trầm cảm của người bệnh

Bảng 4. Môi liên quan giữa kiến thức bút tiêm insulin với rối loạn tâm thần của người bệnh

Đặc điểm	Kiến thức bút tiêm insulin		p
	Không đúng (%)	Đúng (%)	
Căng thẳng			
Không	45 (84,91)	79 (53,75)	0,001*
Có	8 (98,75)	1 (1,25)	
Lo âu			
Không	23 (43,4)	60 (75,0)	0,001
Có	30 (56,6)	20 (25,0)	
Trầm cảm			
Không	12 (22,64)	41 (77,36)	< 0,0001*
Có	78 (89,47)	2 (10,53)	

(*) Phép kiểm chính xác Fisher

Nhận xét: Tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kiến thức bút tiêm insulin với các rối loạn tâm thần như căng thẳng, lo âu, trầm cảm của người bệnh, với $p < 0,05$.

Cụ thể người bệnh không bị rối loạn tâm thần thì có kiến thức về bút tiêm insulin đúng hơn so với người bệnh bị rối loạn tâm thần và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$

IV. BÀN LUẬN

Đặc điểm dân số xã hội

- Giới tính: người bệnh tham gia nghiên cứu nữ chiếm tỉ lệ cao hơn nam (57,14% so với 42,86%), kết quả nghiên cứu này cũng tương tự với các nghiên cứu của Hoàng Khách Chi (2016) [2].

- Thường trú (nơi sống): Người bệnh trong nghiên cứu của chúng tôi đa phần là sống ở nông thôn với 57,14%, sống ở thành thị là 42,86%.

- Tôn giáo: Đa phần người bệnh là có không có tôn giáo kinh chiếm tới 81,95% và điều này cũng phù hợp với đặc điểm tôn giáo của người Việt Nam, phần lớn người dân không có tôn giáo

- Nghề nghiệp: Nhóm tuổi phân bố chủ yếu

vào 3 nhóm ngành nghề chính là công nhân và lao động tự do và nghỉ hưu lần lượt chiếm 33,08%, 37,59% và 23,31%.

- Kinh tế gia đình: Đa phần là người bệnh có thu nhập từ trung bình đến khá giả, trong đó có mức thu nhập trung bình chiếm tới 69,92%, thu nhập mức khá giả chiếm gần 30%.

Kiến thức về bút tiêm insulin: Phần lớn người bệnh có kiến thức đúng về bút tiêm insulin với 60,15%. Tuy nhiên tỷ lệ này chiếm không cao. Kết quả này tương tự của Chu Thị Loan (2020) [3]. Người bệnh có kiến thức sai về bút tiêm chiếm tỷ lệ khá cao là 39,85%

Rối loạn căng thẳng, lo âu, trầm cảm ở người bệnh đái tháo đường típ 2. Tỷ lệ căng thẳng của người bệnh theo thang đo DASS-21 chỉ ở mức độ nhẹ tới và vừa chiếm 6,77%, không có người bệnh nào bị căng thẳng ở mức độ nặng và rất nặng. Tỷ lệ lo âu của người bệnh theo thang đo DASS-21 từ mức độ nhẹ tới rất nặng là 37,59%. So với nghiên cứu của Rehman và Kazmi [8] thì nghiên cứu của chúng tôi có kết quả nhỏ hơn.

Mối liên quan giữa kiến thức bút tiêm insulin với đặc điểm chung của người bệnh

- Không tìm thấy mối liên quan giữa kiến thức bút tiêm insulin với các đặc điểm người nghiên cứu như: giới tính, độ tuổi, tôn giáo, nơi ở, trình độ học vấn, nghề nghiệp. Kết quả này tương tự của Phạm Thị Thúy Vân (2017) [4].

- Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức về bút tiêm insulin với kinh tế gia đình, cụ thể những người bệnh có thành phần kinh tế trung bình và khá giả trở lên sẽ có kiến thức đúng về bút tiêm insulin hơn so với người bệnh có kinh tế thu nhập thấp, với $p < 0,05$. Kết quả này tương tự với Bahendeka S, Kaushik R (2019) [7]

Mối liên quan giữa kiến thức bút tiêm insulin với đặc điểm rối loạn tâm thần của người bệnh

- Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức bút tiêm insulin với căng thẳng, người bệnh không có kiến thức thì căng thẳng hơn người bệnh có kiến thức đúng, với $p = 0,001$

- Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức bút tiêm insulin với lo âu, người bệnh không có kiến thức thì lo âu hơn người bệnh có kiến thức đúng, với $p = 0,001$

- Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức bút tiêm insulin với trầm cảm, người bệnh không có kiến thức thì trầm cảm hơn người bệnh có kiến thức đúng, với $p < 0,0001$

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng có kết quả tương tự với Fisekovic Kremic MB (2020) [6]

V. KẾT LUẬN

- Đa phần người bệnh đái tháo đường típ 2 có kiến thức đúng về bút tiêm insulin là tương đối thấp chỉ đạt 60,15%, trong khi đó số người bệnh đái tháo đường típ 2 chưa có kiến thức về bút tiêm chiếm đến 39,85%

- Tỷ lệ căng thẳng, lo âu và trầm cảm ở người bệnh đái tháo đường típ 2 đang dùng thuốc tiêm insulin là đáng quan tâm, trong đó chú ý là người đái tháo đường típ 2 đang dùng bút tiêm insulin bị rối loạn lo âu chiếm tới 37,59%.

- Có sự khác biệt và có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức về bút tiêm insulin với kinh tế gia đình, các rối loạn tâm thần như căng thẳng, lo âu, trầm cảm của người bệnh

VI. KIẾN NGHỊ

- Cần tập huấn và bổ sung kiến thức về bút tiêm insulin cho người bệnh đái tháo đường típ 2 khám và điều trị ngoại trú nhiều hơn ở các cơ sở y tế đặc biệt là tại các bệnh viện

- Nên tầm soát các rối loạn tâm thần như căng thẳng, lo âu, trầm cảm. Đặc biệt là rối loạn lo âu ở những người bệnh đái tháo đường típ 2 đang tiêm thuốc insulin.

- Việc tầm soát các rối loạn tâm thần như căng thẳng, lo âu, trầm cảm có thể thực hiện đơn giản và không nhiều thời tại các cơ sở y tế khám chữa bệnh ban đầu cho những người bệnh đang dùng thuốc tiêm insulin.

- Việc sử dụng thang đánh giá rối loạn tâm thần DASS-21 là hợp lý vì đơn giản, không tốn kém, không mất nhiều thời gian.

VII. LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi chân thành cảm ơn trường Đại học Y Dược Tp.HCM đã ủng hộ và tài trợ cho nghiên cứu của chúng tôi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trần Thị Hà An** (2018). "Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng trầm cảm và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2". Luận án tiến sĩ: Đại Học Y Hà Nội
2. **Hoàng Khánh Chi** (2016), Tầm soát trầm cảm và các yếu tố liên quan bằng bộ câu hỏi PHQ-9 ở bệnh nhân Đái tháo đường típ 2, Luận văn bác sĩ nội trú, Đại Học Y Dược Tp.HCM.
3. **Chu Thị Loan** (2020), Đánh giá hiệu quả tập huấn sử dụng bút tiêm insulin trên người đái tháo đường típ 2 được điều trị ngoại trú, Luận văn thạc sĩ Điều dưỡng, Đại Học Y Dược Tp.HCM
4. **Phạm Thị Thúy Vân** (2017), "Đánh giá kỹ thuật sử dụng bút tiêm insulin và tác dụng không mong muốn của insulin trên bệnh nhân đái tháo đường típ 2 tại một bệnh viện tuyến huyện", Tạp chí Dược học, 497, Tr 57

5. **Abdulbari B, Abdulla OAAA-H, Elnour ED** (2011). High Prevalence of Depression, Anxiety and Stress Symptoms Among Diabetes Mellitus Patients. *The Open Psychiatry Journal*, (5): pp. 5-12.
6. **Fisekovic Kremic MB** (2020). Factors associated with depression, anxiety and stress among patients with diabetes mellitus in primary health care: Many questions, few answers. *Malays Fam Physician*. 15(3), pp. 54-61.
7. **Bahendeka S, Kaushik R** (2019). Insulin storage and optimisation of injection technique in diabetes management. *Diabetes Ther*. 10 (2), pp. 341 - 366.
8. **Rehman, Kazmi** (2015). Prevalence and level of depression, anxiety and stress among patient with type 2 Diabetes Mellitus. *Original Artical*. 11(2), pp. 81-86.

KẾT QUẢ TẬP VẬN ĐỘNG SỚM CHO NGƯỜI BỆNH THỞ MÁY TẠI KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Võ Hoàng Phúc¹, Bùi Thị Minh Phượng¹, Trần Trung Hiếu¹,
Vũ Hoàng Thu Hương¹, Đinh Văn An¹, Phan Nguyễn Thị Loan¹,
Trần Ngọc Trâm¹, Nguyễn Đức Thành¹

TÓM TẮT

Mở đầu: Hiện nay tỉ lệ người bệnh (NB) tại các Khoa Hồi sức tích cực (HSTC), đặc biệt là những người bệnh cần thông khí nhân tạo bị biến chứng và tử vong vẫn còn cao. Một số những nguyên nhân chính là do tình trạng NB nằm lâu tại giường, không được tập vận động sớm, đặc biệt là tập đi đứng sớm. Chương trình tập vận động, đặc biệt là đi đứng sớm góp phần mang lại nhiều lợi ích cho NB thở máy tuy nhiên đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào đưa ra kết quả của chương trình này đối với nhóm người bệnh trên tại Việt Nam. **Mục tiêu:** Nghiên cứu này nhằm xác định kết quả của chương trình tập vận động đi đứng sớm cho người bệnh thở máy tại Khoa Hồi sức tích cực - Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả hàng loạt ca được tiến hành tại Khoa Hồi sức tích cực - Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh từ tháng 06/2021 đến tháng 10/2022. **Kết quả:** Nghiên cứu gồm 30 người bệnh, nam chiếm 56,7% với độ tuổi trung bình là 64,93 ± 17,43 tuổi. Thời gian bắt đầu tập đi đứng sớm trung bình là 4,13 ± 3,14 ngày; thời gian thở máy trung bình là 8,27 ± 6,14 ngày; thời gian điều trị ở Khoa Hồi sức tích cực trung bình là 11,27 ± 6,98 ngày; thời gian điều trị tại bệnh viện trung bình là 21,3 ± 6,9 ngày. Tỉ lệ tử vong trong thời gian nằm viện là 0%. Điểm Perme trung bình trước khi tập đi đứng là 17,93 ± 4,23 điểm, tại thời điểm rời Khoa Hồi sức tích cực là 25,17 ± 3,68 điểm, sự cải thiện điểm Perme trung bình là 7,23 ± 3,66 điểm, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Không có biến cố nào được ghi nhận trong quá trình tập. **Kết luận:** Trong nghiên cứu này, chương trình tập vận động sớm và đi đứng

sớm có vẻ giúp rút ngắn thời gian thở máy, thời gian điều trị tại khoa Hồi sức tích cực và cải thiện khả năng sống còn, cải thiện được chức năng cũng như khả năng vận động cho người bệnh thở máy.

Từ khóa: tập luyện, vận động sớm, đi đứng sớm, thở máy, thời gian, thang điểm Perme

SUMMARY

PRELIMINARY OUTCOMES OF EARLY MOBILIZATION FOR MECHANICALLY VENTILATED PATIENTS IN THE INTENSIVE CARE UNIT AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY MEDICAL CENTER

Introduction: Nowadays, the rate of intensive care patients, especially mechanically ventilated ones suffered from complications and death is still high. Some main reasons are prolonged bed rest, late mobilization, specially standing and ambulation. Although early mobilization and ambulation program has brought so many advantages to mechanically ventilated patients, until now there was no research showing result of the program in this group of patient in VietNam. **Purpose:** To show result of early physical exercise, mobilization and ambulation program for mechanically ventilated patients in the intensive care unit at Ho Chi Minh city University Medical Center. **Methods:** Case series research was conducted in the Intensive care unit at Ho Chi Minh city University Medical Center from June, 2021 to June, 2022. **Results:** A total of 30 patients, 56,7% were men and the average age was 64,93 ± 17,43 years old. The average length of stay from admission to the beginning of the program was 4,13 ± 3,14 days. The mean mechanically ventilated duration was 8,27 ± 6,14 days. The average length of stay in the intensive care unit and hospitalisation was 11,27 ± 6,98 days and 21,3 ± 6,9 days, respectively. Mortality rate during hospitalisation was 0%. Perme score before applying early mobilization, particularly early ambulation program and when discharge from the intensive care unit was 17,93 ± 4,23 and 25,17 ±

¹Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Đức Thành

Email: thanh.nd@umc.edu.vn

Ngày nhận bài: 2.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 23.2.2023

Ngày duyệt bài: 3.3.2023